

CÔNG TY TNHH BAV GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BAV GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110537943

3. Ngày thành lập: 10/11/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 2 ngõ 218 Đường Hạ Hội, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 033.461.3988

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Mua Bán trang thiết bị y tế	4659
10.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng và kim loại quý khác)	4662
11.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230(Chính)
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (loại trừ dịch vụ báo cáo tòa án, hoạt động đấu giá độc lập, dịch vụ lấy lại tài sản, trừ đấu giá)	8299
13.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
14.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
15.	Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung đối với người có công, thương bệnh binh, người già và người khuyết tật	8810
16.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
17.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
18.	Hoạt động thể thao khác	9319
19.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
20.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (trừ loại nhà nước cấm, trừ hoạt động của các sàn nhảy; hoạt động của các phòng hát karaoke)	9329
21.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ (Trừ tư vấn, hỗ trợ, môi giới hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài)	9633
22.	Lập trình máy vi tính	6201
23.	Cổng thông tin (loại trừ hoạt động báo chí)	6312
24.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810

25.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ tư vấn pháp luật, đấu giá) Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản	6820
26.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế cơ - điện công trình (không bao gồm công trình đường dây và trạm biến áp); Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ; Thiết kế xây dựng công trình giao thông (gồm: đường bộ; cầu - hầm; đường sắt; đường thủy nội địa, hàng hải); Thiết kế xây dựng công trình cấp nước - thoát nước; xử lý chất thải rắn; Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều; Thiết kế quy hoạch xây dựng	7110
27.	Quảng cáo (Trừ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cấm quảng cáo)	7310
28.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra)	7320
29.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
30.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
31.	Cho thuê xe có động cơ	7710
32.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
33.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
34.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
35.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
36.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
37.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
38.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
39.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
40.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
41.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
42.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
43.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
44.	In ấn (Trừ loại hình Nhà nước cấm)	1811

45.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ dập khuôn tem)	1812
46.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
47.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
48.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
49.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
50.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
51.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
52.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
53.	Đúc sắt, thép (Trừ vàng)	2431
54.	Đúc kim loại màu (Trừ vàng)	2432
55.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
56.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
57.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
58.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
59.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
60.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (loại trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội)	2599
61.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
62.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
63.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
64.	Sản xuất máy luyện kim	2823
65.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
66.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
67.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
68.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
69.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đấu giá)	4799
70.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931

71.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
72.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
73.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
74.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)	5229
76.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
77.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ kinh doanh quán bar)	5630
78.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (Trừ hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)	5911
79.	Hoạt động hậu kỳ	5912
80.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (loại trừ hoạt động phát hành chương trình truyền hình)	5913
81.	Hoạt động chiếu phim	5914
82.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Hoạt động ghi âm	5920
83.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
84.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
85.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
86.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
87.	Đại lý du lịch	7911
88.	Điều hành tua du lịch Chi tiết : kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
89.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
90.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
91.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
92.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

93.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
94.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
95.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
96.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
97.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
98.	Xây dựng nhà để ở	4101
99.	Xây dựng nhà không để ở	4102
100.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
101.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
102.	Xây dựng công trình điện	4221
103.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
104.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
105.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
106.	Phá dỡ (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
107.	Chuẩn bị mặt bằng (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
108.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
109.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
110.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
111.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
112.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
113.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Cơ sở bán lẻ thuốc Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÊ THỊ TỔ

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 06/02/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035189006774

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Cụm 5, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Cụm 5, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ TỔ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 06/02/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035189006774

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Cụm 5, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Cụm 5, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội